



Dấu ấn nổi bật của lĩnh vực tài nguyên nước

NGUYỄN MINH KHUYẾN, Phó Cục trưởng

Cục Quản lý tài nguyên nước



Các đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành thông qua Luật TNN năm 2023 tại kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XV, ngày 27/11/2023

Nước luôn được coi là “huyết mạch” của sự phát triển, vừa nuôi dưỡng đời sống dân sinh, vừa là yếu tố quyết định đối với tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực, năng lượng và môi trường. Trong tổng thể chức năng, nhiệm vụ của Bộ NN&MT, công tác quản lý tài nguyên nước (TNN) giữ vị trí đặc biệt quan trọng, là nền tảng để Bộ thực hiện hiệu quả vai trò quản lý nhà nước (QLNN). Với nhiệm vụ điều hòa, phân bổ, bảo vệ, phục hồi và phát triển nguồn nước, công tác quản lý TNN không chỉ giúp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn (XNM), mà còn bảo đảm nguồn nước ổn định cho sinh hoạt, sản xuất và duy trì các hệ sinh thái.

Những năm qua, lĩnh vực TNN đã góp phần hình thành khung pháp lý đồng bộ; xây dựng các quy hoạch, kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông (LVS); triển khai giám sát trực tuyến hàng trăm công trình khai thác; phục hồi nhiều nguồn nước suy thoái, đồng thời mang lại nguồn thu ngân sách hàng chục nghìn tỷ đồng mỗi năm. Những kết quả đó khẳng định quản lý TNN là động lực thúc đẩy phát triển bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước (ANNN) quốc gia và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đóng góp trực tiếp vào việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

1. HỆ THỐNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH NGÀY CÀNG HOÀN THIỆN, TẠO HÀNH LANG PHÁP LÝ TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN ĐỊA PHƯƠNG

Trước năm 1998, Việt Nam chưa có luật về TNN và về cơ bản chưa chú ý triển khai thực hiện chức năng QLNN về TNN. Ngày 20/5/1998, Quốc hội khóa X đã thông qua Luật TNN tại kỳ họp thứ 3, từ đây công tác QLNN về TNN bắt đầu từng bước

được triển khai. Thông qua việc ban hành Luật TNN năm 1998, các quan điểm, đường lối của Đảng, chiến lược phát triển đất nước có liên quan đến TNN đã được thể chế hóa; bước đầu tiếp cận quan điểm hiện đại của thế giới về quản lý tổng hợp TNN, tách dần nhiệm vụ QLNN về TNN với nhiệm vụ quản lý các công trình có khai thác, sử dụng nước (như thủy lợi, thủy điện, cấp nước...). Giai đoạn này, công tác QLNN về TNN được giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ NN&MT). Trên thực tế chủ yếu tập trung quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, bảo vệ, vận hành các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước nông thôn, đô thị và việc quản lý, vận hành các công trình thuộc trách nhiệm của các Bộ: Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (cũ), Xây dựng, Công Thương và chưa có cơ quan quản lý thống nhất điều tiết chung để đảm bảo ANNN.

Một bước tiến lớn về thể chế là sự ra đời của Luật TNN năm 2023, thay thế Luật năm 2012. Luật đã giao Chính phủ thống nhất QLNN về TNN và xác định Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT) là cơ quan đầu mối, giúp Chính phủ thực hiện chức năng này. Đồng thời, Luật nhấn mạnh yêu cầu quản lý TNN phải đảm bảo nguyên tắc tổng hợp, thống nhất theo LVS và nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa bàn hành chính. Đây là điểm nhấn quan trọng, khắc phục triệt để hạn chế của mô hình quản lý phân tán, phù hợp với chuẩn mực quốc tế về quản lý TNN bền vững.

Thời gian qua, công tác QLNN trong lĩnh vực TNN đã đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hệ thống thể chế, chính sách từng bước hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho quản lý từ Trung ương đến địa phương. Việt Nam đã thể chế hóa quan điểm hiện đại, coi nước là tài sản quốc gia, nguồn lực chung cần quản lý thống nhất, khai thác tiết kiệm, hiệu quả. Các biện pháp, chế tài mới được bổ sung nhằm bảo vệ nguồn nước,



gắn khai thác với phòng chống tác hại do nước gây ra, đồng thời áp dụng cơ chế thu tiền cấp quyền khai thác, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, công tác quản lý, giám sát khai thác, sử dụng TNN được tăng cường mạnh mẽ, nhờ áp dụng hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến. Hàng trăm công trình khai thác nước mặt và nước dưới đất đã được giám sát trực tuyến, giúp cơ quan quản lý có cơ sở khoa học, kịp thời trong điều hành; việc phân bổ nguồn nước giữa các ngành, địa phương, lưu vực được thực hiện công bằng, hợp lý, hạn chế mâu thuẫn, tranh chấp. Mặt khác, công tác quản lý TNN gắn liền với bảo đảm an ninh quốc gia, an sinh xã hội và ngoại giao nguồn nước. Việt Nam đã triển khai nhiều dự án tìm kiếm nước ngọt cho vùng núi cao, đảo xa, vùng hạn hán, XNM; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quản lý LVS xuyên biên giới, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, ổn định đời sống nhân dân.

Luật TNN năm 2023 là phiên bản lần thứ 3, có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2024, như vậy kể từ năm 1998 đến nay, Luật TNN được sửa đổi, bổ sung (Luật TNN năm 1998, Luật TNN năm 2012 và Luật TNN năm 2023), đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và phù hợp với thực tiễn.

Tại 3 phiên bản Luật, đặc biệt là Luật TNN năm 2023 thể hiện rất rõ nguyên tắc quan trọng nhất: “Quản lý TNN phải bảo đảm thống nhất theo LVS, theo nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa giới hành chính; phân công, phân cấp rõ trách nhiệm QLNN về TNN, nguồn nước với trách nhiệm QLNN về quy hoạch, xây dựng, vận hành công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước đô thị, cấp nước nông thôn”. Trong đó điều hòa, phân phối TNN là một trong những công cụ cốt lõi, đảm bảo quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn nước và điều hòa, phân phối cho mục đích khai thác, sử dụng phải căn cứ vào quy hoạch về TNN, khả năng của nguồn nước. Đến nay, Bộ NN&MT đã trình Chính phủ ban hành 10/15 Quy hoạch, gồm: 1 Quy hoạch TNN quốc gia; 8 Quy hoạch tổng hợp LVS liên tỉnh và 1 Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản TNN. Dự kiến năm 2026, 5 Quy hoạch tổng hợp LVS liên tỉnh còn lại sẽ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

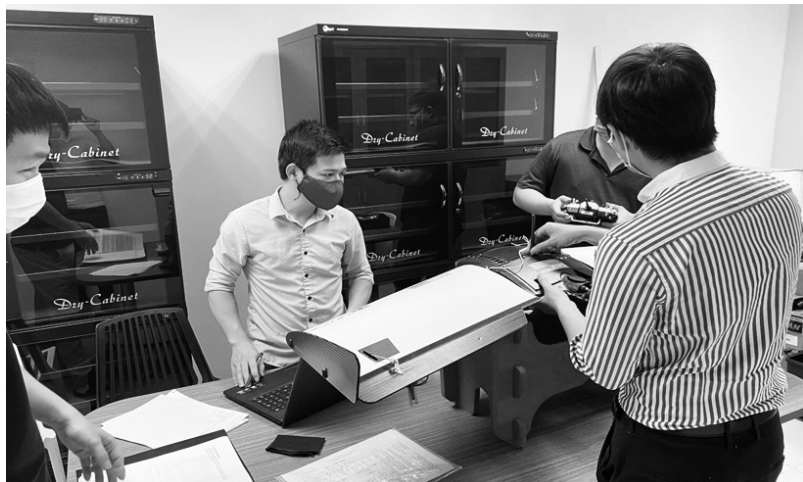
Trong quá trình xây dựng các Quy hoạch về TNN, Cục Quản lý TNN đã nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm của nhiều quốc gia phát triển (Ôxtrâyliá, Mỹ, châu Âu) và đang phát triển (Trung quốc, Nam Phi, Mêxicô, Brazil) cùng một số quốc gia khác như Hà Lan, Ấn Độ, Pakistan, Hàn Quốc, Thái Lan... Đáng chú ý, nhiều quốc gia đã lập quy hoạch từ thập niên 70, thường xuyên được cập

nhật và các quy hoạch đều có điểm chung là đều phải trải qua 3 giai đoạn chính: Từ sơ khai đến giai đoạn kỹ thuật và giai đoạn chiến lược. Dù giai đoạn sơ khai hay kỹ thuật đều được thể hiện rất rõ qua các quy hoạch chuyên ngành về thủy lợi, thủy điện và những ngành có sử dụng nước... thiên về mặt phát triển, khai thác nguồn nước thông qua việc xây dựng các hồ, đập, kênh mương, trạm bơm. Tuy nhiên, các quy hoạch này mới chỉ dừng ở việc phục vụ cho ngành đơn lẻ, chưa có tính chất tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực; quá trình nghiên cứu, phê duyệt chỉ chú trọng về kỹ thuật tính toán, chưa xét đến bài toán chiến lược tổng hợp về chính sách thể chế, luật pháp, vấn đề về khả năng đáp ứng của nguồn nước, bảo vệ TNN và an ninh TNN. Quy hoạch TNN là một trong những căn cứ để xây dựng Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; là cơ sở để thực hiện điều hòa, phân phối TNN và các hoạt động đầu tư công trình khai thác, sử dụng nước.

Đến nay, sau hơn 3 năm triển khai các quy hoạch, bước đầu đã đạt được một số kết quả. Cụ thể: Đã hoàn thiện thể chế, chính sách về khai thác, sử dụng, tái sử dụng TNN; sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính, cơ chế thu hút, huy động nguồn lực tài chính trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số, bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định để đánh giá nguồn nước trên lưu vực trong điều kiện bình thường, thiếu nước, nhằm hỗ trợ điều hòa, phân bổ nguồn nước trên LVS. Cùng với đó, 100% hồ chứa thủy điện lớn, quan trọng trên phạm vi cả nước đã được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hàng ngày; khoảng 850 công trình Bộ cấp phép và hàng nghìn công trình ở địa phương được giám sát thông qua Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng TNN; thực hiện công bố giá trị dòng chảy tối thiểu hạ lưu 725 hồ chứa, đập dâng của 644 công trình thủy lợi, thủy điện; điều hòa, phân phối nguồn nước, tối ưu hóa việc



Cán bộ Trung tâm Quy hoạch và Điều tra TNN quốc gia kiểm tra lỗ khoan thuộc Dự án “Điều tra tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước”



Viện Khoa học TNN cập nhật và ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực TNN

điều tiết nguồn nước cho các mục đích sử dụng, đồng thời bảo đảm tạo dòng chảy liên tục, nhằm cải tạo môi trường nước phù hợp tình hình thực tế; xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ chất lượng môi trường nước mặt; cải tạo, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm. Ngoài ra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước liên quốc gia, liên tỉnh, ưu tiên các sông chảy qua khu đô thị, khu dân cư tập trung trên các LVS.

Đặc biệt, trên cơ sở các quy hoạch, Bộ NN&MT đã công bố Kịch bản nguồn nước trên 8 LVS lớn, quan trọng là Bằng Giang - Kỳ Cùng, Hồng - Thái Bình, Sê san, Srepok, Cửu Long, Đồng Nai, Hương, Mã, phục vụ công tác điều hòa, phân phối TNN trên LVS, góp phần bảo đảm ANNN, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và nhu cầu thiết yếu khác của người dân. Đồng thời, làm căn cứ để các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh trên LVS, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng TNN phù hợp với Kịch bản nguồn nước. Đáng chú ý, hàng năm, lĩnh vực TNN mang lại nguồn thu cho ngân sách khoảng 10.000 tỷ đồng, trong đó thuế TNN chiếm 85%, số còn lại là tiền cấp quyền khai thác TNN.

2. ĐẨY MẠNH QUẢN TRỊ TNN QUỐC GIA TRÊN NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ SỐ

Luật TNN năm 2023 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tiến trình hiện đại hóa công tác quản lý TNN. Với 10 Chương, 86 Điều, Luật đã thể chế hóa nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, tập trung vào 4 nhóm chính sách lớn: (i) Bảo đảm ANNN; (ii) Xã hội hóa ngành nước; (iii) Kinh tế TNN; (iv) Bảo vệ TNN, phòng, chống tác hại do nước gây ra. Điểm nổi bật của Luật là định hướng quản trị TNN quốc gia trên nền tảng công nghệ số (CNS). Nhà nước chủ trương hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa quản lý thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu TNN quốc gia và các công cụ số hỗ trợ ra quyết định. Đây là tiền đề quan trọng để sử dụng hiệu quả nguồn lực, nâng cao tính minh bạch, kịp thời, chính xác trong điều hành.

Từ khi Luật TNN năm 2023 có hiệu lực thi hành (ngày 1/7/2024), Bộ NN&MT đã có chỉ đạo quyết liệt về việc đẩy mạnh áp dụng thành tựu khoa học công nghệ vào quản lý TNN, nhằm

sử dụng nguồn lực một cách hiệu lực, hiệu quả, nhất là trong công tác giám sát TNN, dự báo hạn hán, thiếu nước, Kịch bản nguồn nước, xây dựng cơ sở dữ liệu TNN quốc gia theo hướng “Đúng, đủ, sạch, sống”, thông qua các hệ thống thông tin: Giám sát TNN trên nền tảng IoT; bản đồ hạn hán thời gian thực trên cơ sở CNS; tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước, điều tra cơ bản TNN, cập nhật thông tin, dữ liệu vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu TNN quốc gia, phục vụ công tác quản lý, phản ứng chính sách một cách kịp thời, hiệu quả.

KẾT LUẬN

Nhìn lại chặng đường hơn 20 năm qua, có thể khẳng định, sự hình thành và phát triển cơ cấu tổ chức quản lý TNN ở Việt Nam gắn liền với quá trình hoàn thiện thể chế, chính sách và yêu cầu thực tiễn. Từ một lĩnh vực từng bị chia cắt, quản lý rời rạc, nay TNN đã có một hệ thống quản lý thống nhất, chuyên nghiệp, toàn diện và ngày càng hiện đại. Với trọng trách điều hòa, phân bổ, bảo vệ và phát triển nguồn nước, lĩnh vực TNN đã từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ; triển khai điều tra cơ bản; lập quy hoạch, kịch bản nguồn nước; giám sát hoạt động khai thác, phục hồi nguồn nước suy thoái, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế và cải cách thủ tục hành chính. Những kết quả đạt được không chỉ góp phần bảo đảm ANNN quốc gia, mà còn mang lại nguồn thu ổn định cho ngân sách, tạo nền tảng để ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, hạn hán, XNM và các thách thức an ninh phi truyền thống. Ngoài ra, lĩnh vực TNN đã khẳng định vai trò trọng trách trong việc đảm bảo nguồn nước, phục vụ mục đích sinh hoạt, sản xuất, phát triển kinh tế, BVMT và hệ sinh thái, trực tiếp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đây chính là đóng góp thiết thực và bền vững vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời nâng cao uy tín, vị thế của Bộ NN&MT trong quản lý, điều phối một nguồn lực chiến lược hàng đầu cho sự phát triển của Việt Nam ■